

**DANH SÁCH ĐIỂM KIỂM TRA TIN HỌC QUỐC GIA TRÌNH ĐỘ B**

**Khóa kiểm tra: 21/11/2015**

**Địa điểm: Trung tâm Công nghệ Thông tin**

| STT | Số<br>báo danh | Họ tên lót       | Tên   | Giới<br>tính | Ngày sinh | Nơi sinh   | Điểm<br>LT | Điểm<br>TH | TBC  | Kết<br>quả | Xếp<br>loại | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------|-------|--------------|-----------|------------|------------|------------|------|------------|-------------|---------|
| 1   | 15081001       | Ngô Thị Vân      | Anh   | Nữ           | 12-11-94  | Thanh Hóa  | 8.50       | 7.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 2   | 15081002       | Bùi Thị Thùy     | Anh   | Nữ           | 15-06-94  | Bình Thuận | 8.00       | 7.00       | 7.50 | Đậu        | Khá         |         |
| 3   | 15081004       | Đặng Thị Ngọc    | Ánh   | Nữ           | 12-12-95  | Tây Ninh   | 8.00       | 9.50       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 4   | 15081005       | Phan Quốc        | Bình  | Nam          | 24-09-96  | Bình Dương | 0.00       | 9.00       | 4.50 | Rớt        | Yếu         |         |
| 5   | 15081006       | Phạm Thị Ngọc    | Châu  | Nữ           | 16-02-94  | Sông Bé    | 9.00       | 6.00       | 7.50 | Đậu        | Khá         |         |
| 6   | 15081007       | Lê Thị Hương     | Chi   | Nữ           | 12-08-94  | Bình Định  | 6.50       | 9.00       | 8.00 | Đậu        | Khá         |         |
| 7   | 15081008       | Trương Kiều      | Chi   | Nữ           | 15-06-95  | Ninh Thuận | 8.00       | 8.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 8   | 15081009       | Trần Thị Kim     | Chi   | Nữ           | 16-08-96  | Bình Dương | 8.00       | 8.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 9   | 15081010       | Trần Thị         | Chinh | Nữ           | 16-10-94  | Ninh Bình  | 8.50       | 7.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 10  | 15081011       | Trần Thị Minh    | Cơ    | Nữ           | 20-01-95  | Khánh Hòa  | 9.00       | 9.00       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 11  | 15081012       | Nguyễn Thụy Bảo  | Đan   | Nữ           | 09-01-94  | Sông Bé    | 8.50       | 7.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 12  | 15081013       | Nguyễn Thị Ngọc  | Diễm  | Nữ           | 24-09-95  | Bình Định  | 8.00       | 9.50       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 13  | 15081014       | Trần Thị         | Diễm  | Nữ           | 15-11-95  | Bình Định  | 8.00       | 5.50       | 7.00 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 14  | 15081015       | Võ Thị           | Duyên | Nữ           | 18-11-93  | Tây Ninh   | 7.00       | 5.50       | 6.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 15  | 15081016       | Phan Trà         | Giang | Nữ           | 30-10-94  | Hà Tĩnh    | 7.50       | 7.50       | 7.50 | Đậu        | Khá         |         |
| 16  | 15081017       | Nguyễn Thị Hồng  | Hà    | Nữ           | 08-03-95  | Bình Định  | 9.00       | 9.50       | 9.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 17  | 15081018       | Nguyễn Thị       | Hạnh  | Nữ           | 20-11-94  | Thanh Hóa  | 7.00       | 7.00       | 7.00 | Đậu        | Khá         |         |
| 18  | 15081019       | Trương Thị       | Hiền  | Nữ           | 17-01-94  | Hà Tĩnh    | 8.50       | 10.00      | 9.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 19  | 15081020       | Ngô Trung        | Hiếu  | Nam          | 20-05-95  | Tây Ninh   | 8.00       | 9.50       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 20  | 15081021       | Nguyễn Thị Kim   | Hoa   | Nữ           | 02-06-94  | Sông Bé    | 8.50       | 10.00      | 9.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 21  | 15081023       | Hồ Thị           | Hương | Nữ           | 20-06-94  | Huế        | 8.00       | 8.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 22  | 15081024       | Nguyễn Thị       | Hương | Nữ           | 02-02-94  | Hà Tĩnh    | 8.50       | 3.00       | 6.00 | Rớt        | Yếu         |         |
| 23  | 15081025       | Nguyễn Thị Thu   | Hương | Nữ           | 19-01-95  | Vĩnh Phú   | 8.00       | 8.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 24  | 15081026       | Nguyễn Xuân      | Huy   | Nam          | 28-02-95  | Gia Lai    | 9.00       | 5.50       | 7.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 25  | 15081027       | Nguyễn Thị Vương | Kỳ    | Nữ           | 30-09-95  | Quảng Ngãi | 9.00       | 3.00       | 6.00 | Rớt        | Yếu         |         |
| 26  | 15081028       | Nguyễn Trúc      | Linh  | Nữ           | 09-12-95  | Sông Bé    | 8.50       | 8.00       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 27  | 15081029       | Nguyễn Thị Mai   | Linh  | Nữ           | 10-11-94  | Bình Thuận | 9.00       | 9.50       | 9.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 28  | 15081030       | Lê Thị           | Lý    | Nữ           | 10-07-94  | Thanh Hóa  | 9.00       | 5.50       | 7.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 29  | 15081031       | Trương Hoài      | My    | Nữ           | 26-11-96  | Bình Dương | 8.50       | 8.00       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 30  | 15081032       | Đỗ Thị Mỹ        | Ngân  | Nữ           | 29-08-93  | Bình Dương | 7.50       | 5.50       | 6.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 31  | 15081033       | Nguyễn Thị       | Ngoan | Nữ           | 02-04-94  | Quảng Bình | 8.00       | 5.00       | 6.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 32  | 15081034       | Lê Thị Bích      | Ngọc  | Nữ           | 10-02-93  | Bình Định  | 8.50       | 5.00       | 7.00 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 33  | 15081035       | Lang Thị Hồng    | Ngọc  | Nữ           | 09-09-94  | Bình Phước | 8.00       | 8.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 34  | 15081036       | Dương Thị        | Nhài  | Nữ           | 15-09-95  | Quảng Bình | 8.00       | 6.50       | 7.50 | Đậu        | Khá         |         |
| 35  | 15081037       | Nguyễn Kim       | Oanh  | Nữ           | 04-04-89  | Bình Dương | 7.50       | 8.50       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 36  | 15081038       | Lê Hồng          | Phúc  | Nam          | 07-08-95  | Bình Dương | 8.50       | 7.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 37  | 15081039       | Nguyễn Chí       | Quang | Nam          | 22-05-95  | Bình Dương | 8.50       | 7.50       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 38  | 15081040       | Nguyễn Thị Kim   | Sang  | Nữ           | 29-03-94  | Bình Dương | 7.00       | 5.00       | 6.00 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 39  | 15081041       | Hồ Thị           | Sương | Nữ           | 30-12-88  | Đắk Lắk    | 7.50       | 1.50       | 4.50 | Rớt        | Yếu         |         |
| 40  | 15081042       | Nguyễn Ngọc      | Sương | Nữ           | 04-06-95  | Sông Bé    | 9.00       | 7.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 41  | 15081044       | Lê Duy           | Tân   | Nam          | 15-07-95  | Bình Dương | 8.50       | 9.00       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 42  | 15081046       | Ngư Thị          | Thu   | Nữ           | 14-05-93  | Bình Dương | 8.50       | 5.50       | 7.00 | Đậu        | Trung bình  |         |

| STT | Số<br>báo danh | Họ tên lót       | Tên   | Giới<br>tính | Ngày sinh | Nơi sinh   | Điểm<br>LT | Điểm<br>TH | TBC  | Kết<br>quả | Xếp<br>loại | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------|-------|--------------|-----------|------------|------------|------------|------|------------|-------------|---------|
| 43  | 15081047       | Trần Thị Thanh   | Thúy  | Nữ           | 22-11-94  | Đồng Nai   | 8.50       | 8.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 44  | 15081048       | Nguyễn Thị Thùy  | Tiên  | Nữ           | 11-10-94  | Bình Dương | 8.00       | 9.00       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 45  | 15081049       | Trần Thị         | Trang | Nữ           | 10-02-89  | Hà Tĩnh    | 7.00       | 6.00       | 6.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 46  | 15081050       | Ngô Thị Thùy     | Trang | Nữ           | 17-12-96  | Bình Dương | 7.00       | 9.50       | 8.50 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 47  | 15081051       | Nguyễn Bảo       | Trang | Nữ           | 02-01-95  | Bình Dương | 8.00       | 5.00       | 6.50 | Đậu        | Trung bình  |         |
| 48  | 15081052       | Trần Thị Bích    | Trúc  | Nữ           | 17-09-95  | Bình Dương | 9.00       | 9.00       | 9.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 49  | 15081053       | Trương Khả       | Tú    | Nữ           | 20-09-96  | Bình Dương | 8.00       | 8.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 50  | 15081054       | Trần Thị Cẩm     | Tú    | Nữ           | 19-10-96  | Bình Dương | 8.00       | 1.50       | 5.00 | Rớt        | Yếu         |         |
| 51  | 15081055       | Võ Thị Hoàng     | Yến   | Nữ           | 27-08-96  | Bình Dương | 8.50       | 7.00       | 8.00 | Đậu        | Giỏi        |         |
| 52  | 15081003       | Trần Nguyễn Trâm | Anh   | Nữ           | 10-04-94  | Bình Dương | VẮNG       |            |      |            |             |         |
| 53  | 15081022       | Đỗ Thị Mai       | Hồng  | Nữ           | 03-08-93  | Lâm Đồng   |            |            |      |            |             |         |
| 54  | 15081043       | Võ Nhật          | Tài   | Nam          | 18-10-93  | Bình Dương |            |            |      |            |             |         |
| 55  | 15081045       | Đỗ Thị Phương    | Thanh | Nữ           | 25-01-94  | Sông Bé    |            |            |      |            |             |         |
| 56  | 15081056       | Vũ Thu           | Yến   | Nữ           | 22-02-94  | Sông Bé    |            |            |      |            |             |         |

Danh sách này có 56 thí sinh, trong đó: dự thi: 51, vắng: 05, Giỏi: 29, Khá: 06, Trung bình: 11, Rớt: 05

Người đọc điểm: **Võ Vương Đại Biện**  
Người nhập điểm: **Phan Thị Ngọc Diệp**

**Lập bảng**  
( Đã ký )  
  
Phan Thị Ngọc Diệp

**Chủ tịch Hội đồng Kiểm tra**  
( Đã ký )  
  
Tô Vĩnh Bảo